TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG,TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Hoàng Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" , theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q - SN 1988
Bị đơn: Anh Lê Tuấn M - SN 1988
Cùng địa chỉ: Thôn Y (nay là thôn K), xã Q, huyện Q,Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh M không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai,quá trình hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Lê Tuấn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/3/2013.

Sau khi kết hôn, anh, chị về chung sống với bố, mẹ chồng tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa được khoảng 2 năm thì vợ chồng chuyển đến thôn Y (nay là thôn K), xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa sinh sống.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Cộng với anh M có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh M không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ ngày 30/4/2017 và đã sống ly thân từ đó

cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01con chung là cháu Lê Hải Đ - Sinh ngày 19/11/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của chị xin nuôi con, yêu cầu anh M đóng góp tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 2.000.000đ.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Tuấn M trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà, không có nhiều thời gian cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 6/2018. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q làm đơn xin ly hôn anh tại tòa án, anh không đồng ý; vì anh thương con, anh muốn con có cả bố và mẹ.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01con chung là cháu Lê Hải Đ - Sinh ngày 19/11/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị Q. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của anh xin nuôi con, không yêu cầu chị Q phải đóng góp tiền nuôi con chung với anh.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày15/8/2019, theo cán bộ tư pháp xã và trưởng thôn Y (nay là thôn K), xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa báo cáo: Anh Lê Tuấn M và chị Nguyễn Thị Q kết hôn từ năm 2013. Sau khi cưới anh chị chung sống với nhau và sinh được 01 con chung là cháu Lê Hải Đ - Sinh ngày 19/11/2013.Quá trình vợ chồng chung sống ở địa phương anh M và chị Q có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương mà địa phương chỉ nghe nói anh,chị có xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay anh M làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm xa, ít về nhà.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử: chị Q được ly hôn anh M; giao cháo Đ cho chị Q nuôi dưỡng; buộc anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Q mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Tuấn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Q và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/03/2013 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Cộng với anh M có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị Q khuyên giải nhiều lần nhưng anh M không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ ngày 30/4/2017 và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Anh M thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà, không có nhiều thời gian cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị Q; Vì anh thương con, anh muốn con có cả bố và mẹ, anh không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Q tha thiết xin được ly hôn anh M. Anh M xin đoàn tụ. Xét thấy chị Q và anh M đã sống ly thân nhau một thời gian dài từ tháng 4/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, anh M cũng không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ và chồng nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q là phù hợp.

[3]*Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ - Sinh ngày 19/11/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị Q. Quá trình giải quyết vụ án chị Q xin được nuôi con, yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 2.000.000đ, anh M cũng xin được nuôi con, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh M và chị Q là hoàn toàn chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Song anh M làm nghề lái xe thường xuyên phải xa nhà, không có thời gian chăm sóc được con. Mặt khác cháu Đ đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Tuy nhiên hiện nay chị Q làm nghề may mặc, thường xuyên ở nhà nên có nhiều thời gian chăm sóc cho cháu Đ được tốt hơn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Đ cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung chị Q yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng 2.000.000đ; Căn cứ theo quy định của pháp luật thì anh M không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Q mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị Q, anh M đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1.*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Tuấn M.

2.*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ - Sinh ngày 19/11/2013.

Giao cháu Lê Hải Đ cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Q mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị Q, anh M thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4.*Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1610 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, H.Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý